TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2020/DS-PT
Ngày: 07-02-2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Rết
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu
Bà Tôn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Mã Quế Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07-02-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 181/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS-ST ngày 29-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 275/2019/QĐ-PT, ngày 23-12-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Danh Hoàng T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Mỹ H. Địa chỉ: Số A, đường P, khóm C, phường D, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Văn bản ủy quyền ngày 30-12-2019. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Chí B, luật sư Công ty Luật hợp danh Đ. Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Thị Minh K, phường A, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*:

1. Ông Triệu Văn D, sinh năm 1971; (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

- *Người kháng cáo*: Ông Triệu Văn D và bà Nguyễn Thị Thu H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện 22/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Danh Hoàng T trình bày:*

Vào ngày 01/01/2019, ông Danh Hoàng T có cho vợ chồng ông Triệu Văn D, bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất theo quy định của pháp luật, việc cho vay hai bên có làm Hợp đồng vay vào ngày 01/01/2019, ông Dvà bà H đã nhận đủ số tiền vay 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời hạn thanh toán tiền vốn và lãi vay là ngày 28/02/2019 thì bị đơn ông D, bà H không trả tiền vốn và lãi cho ông T theo đúng hợp đồng đã thỏa thuận, ký kết.

Nay vợ chồng ông D, bà H cố tình không thanh toán số tiền vôn vay và lãi theo thỏa thuận khi vay nên ông T khởi kiện yêu cầu xem xét buộc vợ chồng ông Triệu Văn D và bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn vay 400.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 01-01-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất là 0,83%/tháng.

** Bị đơn ông Triệu Văn D và bà Nguyễn Thị Thu H đồng trình bày:*

Vợ chồng ông, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Danh Hoàng T. Bởi vì, vào ngày 01/01/2019, ông bà không có vay của ông T số tiền 400.000.000 đồng như ông T trình bày. Nguyên vào năm 2018, vợ chồng ông bà có nhờ vợ chồng ông T mua dùm phần đất ruộng tọa lạc xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng nên đưa cho ông T số tiền 270.000.000 đồng để trả tiền đất, nhưng sau đó ông T không mua được đất nên ngày 13/12/2018 ông T có ra chỗ bà H bán thịt heo tại chợ xã An Ninh giao trả số tiền 270.000.000 đồng đã nhận trước đó, khi bà H nhận lại số tiền 270.000.000 đồng thì ông T có đưa tờ giấy yêu cầu bà ký nhận để nhận lại số tiền nên bà đã ký nhận mà không xem nội dung trong tờ giấy ông T đưa. Còn ông D hoàn toàn không biết việc vay số tiền 400.000.000 đồng như ông T khởi kiện và cũng không ký nhận bất cứ giấy tờ gì của ông Tâm.

Nay ông Danh Hoàng T khởi kiện yêu cầu ông bà thanh toán số tiền vay 400.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2019 thì ông bà không đồng ý, yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điuè 39; khoản 1, 4 Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 229;

Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh Hoàng T đối với bị đơn ông Triệu Văn D, bà Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu thanh toán số tiền vốn và lãi suất tiền vay.

2. Buộc bị đơn ông Triệu Văn D, bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Dah Hoàng T số tiền vốn và lãi suất tiền vay tổng cộng 432.978.666 đồng. Cụ thể trong đó, tiền vốn vay là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 32.978.666 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, chi phí giám định và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 12/11/2019, bị đơn ông Triệu Văn D và bà Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; trường hợp không chấp nhận kháng cáo thì đề nghị giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: hợp đồng vay tiền ngày 01/01/2019 là có thật vì trong hợp đồng có đầy đủ thông tin cá nhân của bị đơn như bị đơn đã cung cấp cho Tòa án, đồng thời bà H đã thừa nhận chữ ký trong hợp đồng nên bị đơn bà H có vay của ông T với số tiền 400.000.000 đồng. Việc bà H cho rằng bà ký tên là có việc mua bán đất, bà có ký nhận lại số tiền 270.000.000 đồng từ ông T nhưng ông T không thừa nhận và bà H không cung cấp tài liệu để chứng minh. Hơn nữa trong hợp đồng thể hiện vay để kinh doanh nên ông D phải có trách nhiệm chung đối với số tiền trên. Do đó, đề nghị Tòa bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của ông Triệu Văn D và bà Nguyễn Thị Thu H nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện C vào ngày 12/11/2019 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Triệu Văn D, bà Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh Hoàng T thì thấy:

[3] Mặc dù theo Kết luận giám định số 3483 ngày 12/8/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc Viện khoa học hình sự - Bộ Công an xác định không đủ cơ sở kết luận (bút lục 58) nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2019 (bút lục 26), Biên bản hòa giải ngày 06/9/2019 (bút lục 79, 80), Biên bản phiên tòa ngày 29/10/2019, trang 6, 7, 8 (bút lục 5, 6, 7) cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đều thừa nhận chữ ký trong "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền", ngày 01/01/2019 (gọi tắt là Hợp đồng vay tiền) thể hiện ông Triệu Văn D, bà Nguyễn Thị Thu H có vay của ông Danh Hoàng T số tiền là 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông D và bà H cho rằng ông, bà không vay tiền của ông T, việc bà H ký tên vào Hợp đồng vay tiền là do bị ông T lừa đối, thực tế bà H chỉ ký nhận lại số tiền mua đất là 270.000.000 đồng do ông T giao trả thì thấy tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự phản đối đó"*, từ giai đoạn sơ thẩm đến phiên tòa phúc thẩm, ông D và bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông T lừa dối bà H ký vào Hợp đồng vay tiền, cũng như không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền bà H ký nhận từ ông T là ký nhận lại tiền mua đất (270.000.000 đồng) do ông T giao trả. Hơn nữa, bà H là người đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự để xác lập và chịu trách nhiệm về các giao dịch dân sự do mình xác lập, nên việc ông D và bà H cho rằng bà Hà bị lừa dối ký Hợp đồng vay tài tiền của ông Tâm là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với ông Triệu Văn D, mặc dù không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông D có cùng vợ là bà H vay tiền ông Tâm nhưng khoản vay của bà H là nhằm mục đích kinh doanh, mua bán của gia đình nên ông D phải có nghĩa vụ liên đới với bà H để thanh toán số tiền vay của ông T. Từ nhận định trên cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh Hoàng T buộc bị đơn ông Triệu Văn D, bà Nguyễn Thị Thu H trả cho ông Tâm tiền vốn 400.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01-01-2019 đến ngày phiên tòa sơ thẩm là 32.978.666 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng

cáo của các bị đơn ông D, bà H là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn ông Triệu Văn D, bà Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy, ông D và bà H yêu cầu giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng tại Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định *"Người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú thì được Tòa án giảm 50% mức tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án mà người đó phải nộp"*. Như vậy, ông D, bà H không thuộc trường hợp giảm án phí theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm của các bị đơn ông D, bà H.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét kháng cáo của bị đơn ông Triệu Văn D và bà Nguyễn Thị Thu H là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông D, bà H, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Triệu Văn D và bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm mỗi người là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 293, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Triệu Văn D và bà Nguyễn Thị Thu H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 38/2019/DS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Sóc Trăng và được tuyên lại như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điuè 39; khoản 1, 4 Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 229; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh Hoàng T đối với bị đơn ông Triệu Văn D, bà Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu thanh toán số tiền vốn và lãi suất tiền vay.

2. Buộc bị đơn ông Triệu Văn D, bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Danh Hoàng T số tiền vốn và lãi suất tiền vay tổng cộng 432.978.666 đồng. Cụ thể trong đó, tiền vốn vay là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 32.978.666 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nguyên đơn ông Danh Hoàng T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Triệu Văn D, bà Nguyễn Thị Thu H chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Nguyên đơn ông Danh Hoàng T được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.157.145 đồng theo biên lai thu số 0006812 ngày 22/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3.2 Bị đơn ông Triệu Văn D, bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có ngạch tương ứng đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 21.319.146 đồng.

4. Chi phí giám định chữ ký: Nguyên đơn ông Danh Hoàng T phải chịu số tiền 1.295.000 đồng, ông Tâm đã thực hiện xong.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Triệu Văn D và bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm mỗi người là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001201, 0008900 ngày 12-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Triệu Văn D và bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện C (01);
- Chi cục THADS huyện C (01);
- Các đương sự (05);
- Lưu: VP-HSVA (06).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Thái Rết